

Bản án số 371/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 8 - 2026
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 595/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 575/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Trung T, sinh ngày 20/12/1988; CCCD: 092088016402; địa chỉ cư trú: số 53/84 NVD, phường BT, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Chị Hồ Bích T1, sinh năm 1994; CCCD 096194013845; địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TP, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Trung T trình bày: Anh với chị T đã thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Bình Thủy giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021. Theo kết quả giải quyết thì cháu Phạm Minh T2 giao cho chị T1 nuôi dưỡng. Tuy nhiên, sau thời gian dài theo dõi và thực tế thăm con, anh nhận thấy điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu T2 hiện tại không còn đảm bảo

đầy đủ. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc chị T1 giao cháu T2 lại cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị Hồ Bích T1 trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Bởi vì: Hiện cháu T2 do chị trực tiếp nuôi dưỡng có điều kiện phát triển bình thường về mặt thể chất, tinh thần. Đồng thời, quá trình học tập của cháu T2 cũng đạt được thành tích cao. Hiện nay chị có nhà riêng, đất canh tác riêng nên chị đảm bảo có thu nhập ổn định để tiếp tục nuôi cháu T2.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hông nhân và Gia đình; Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung T về việc yêu cầu chị Hồ Bích T1 giao cháu Phạm Minh T2 cho anh nuôi dưỡng; án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Trung T khởi kiện chị Hồ Bích T1 là vụ kiện tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 29 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2021, anh T với chị T1 thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Bình Thủy giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2021. Theo nội dung quyết định chị T1 là người được quyền nuôi cháu Phạm Minh T2.

Xét thấy: Sau khi thuận tình ly hôn, chị T1 cùng cháu T2 về địa phương sinh sống. Anh T cũng tới lui thăm nom, dạy bảo con chung. Quá trình anh T đến thăm cháu T2, chị T1 không có hành vi cản trở, mà còn tạo điều kiện để anh T thực hiện quyền làm cha. Tuy nhiên, nay anh T xác định hiện chị T1 đã có gia đình mới, có con cùng với người chồng sau nên tình cảm giành cho cháu T2 không còn đảm bảo. Đồng thời, chị T1 hiện không đảm bảo các điều kiện để tiếp tục nuôi cháu T2, nên anh yêu cầu chị T1 giao cháu T2 lại cho anh nuôi dưỡng, nhưng chị T1 không đồng ý.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa anh T, chị T1 có cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định cả anh, chị đều đảm bảo tất cả điều kiện nuôi cháu T2. Tuy nhiên, theo nguyện vọng của cháu T2 thể hiện cháu muốn tiếp tục được sống với chị T1. Đồng thời, theo xác nhận của bà Phan Thanh H (Chi Hội trưởng Hội phụ nữ ấp Tân Hòa), bà Trần Hồng H1, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn T3 là những người cùng xóm thể hiện “Hiện cháu T2 do chị T1 nuôi đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Cháu T1 được đi học và đạt được thành tích tốt. Quá trình nuôi dưỡng cháu T2 thì chị T1 không ngăn cản việc anh T thực hiện quyền làm cha. Do đó, chị T1 đảm bảo điều kiện tiếp tục nuôi cháu T2”.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh T là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung T về việc yêu cầu chị Hồ Bích T1 giao lại cháu Phạm Minh T2 cho anh nuôi dưỡng.

2. Về án phí dân sự: Anh Phạm Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000613 ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; anh Phạm Trung T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

